

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 01 năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-ĐHKT ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Ngành	: KINH TẾ
Mã ngành	: 52 31 01 01
Tên ngành (Tiếng Anh)	: ECONOMICS
Tên chuyên ngành	: KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG
Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)	: ECONOMICS AND PUBLIC MANAGEMENT
Mã chuyên ngành	: 52 31 01 01 03
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Hình thức đào tạo	: Chương trình đào tạo đại trà

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế và quản lý công có **năng lực** về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác hoạch định và quyết định các chính sách kinh tế-xã hội, quản lý các chính sách phát triển, dự án đầu tư và chi tiêu công, cung cấp dịch vụ công, quản lý và khai thác các nguồn lực công, công trình công cộng một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường quản lý và kinh doanh và có khả năng tự học tập suốt đời.

1.2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên chuyên ngành Kinh tế và quản lý công khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

1.2.1. Kiến thức

Kiến thức cơ bản

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	CDR1	Nắm được kiến thức nền tảng về tự nhiên, xã hội; những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

2	CĐR2	Nắm được kiến thức cơ bản về quản lý, cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế
3	CĐR3	Nắm được kiến thức cơ bản về cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế
4	CĐR4	Kiến thức quản lý thông tin: Nắm bắt phương pháp thu thập, phân tích, xử lý thông tin phục vụ cho việc ra quyết định
5	CĐR5	Kiến thức về pháp luật: Nắm bắt các qui định của pháp luật trong lĩnh vực kinh tế.

Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên ngành
1	CĐR6	Am hiểu cách thức vận hành của thị trường hàng hóa, dịch vụ công
2	CĐR7	Am hiểu về cách thức huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực công trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế
3	CĐR8	Nắm được phương pháp xác định các nguồn lực và lợi thế của nền kinh tế/ vùng lãnh thổ/ địa phương, làm cơ sở cho việc xây dựng, đề xuất hoặc phản biện chính sách phát triển kinh tế
4	CĐR9	Am hiểu các phương pháp phân tích và đánh giá các vấn đề liên quan đến nguồn lực công; chính sách công; cung ứng hàng hóa và dịch vụ công
5	CĐR10	Nắm được các chính sách liên quan đến quản lý nguồn lực công, tổ chức cung ứng hàng hóa và dịch vụ công
6	CĐR11	Hiểu biết về thẩm định các dự án đầu tư công, tài trợ công.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng cơ bản

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản
1	CĐR12	Kỹ năng truyền thông: Soạn thảo các báo cáo, kế hoạch trong công việc đúng chuẩn mực; khả năng thuyết trình, thuyết phục; khả năng lắng nghe hỗ trợ, chia sẻ thông tin với người khác
2	CĐR13	Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm: Chủ động trong công việc đồng thời có khả năng thực hiện công việc nhóm, xây dựng mối quan hệ gắn kết, tạo động cơ, đồng cảm, chia sẻ

3	CĐR14	Sử dụng thông thạo các công cụ công nghệ thông tin, các phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (đạt chuẩn tin học văn phòng và chuyên ngành)
4	CĐR15	Có thể giao tiếp kinh doanh bằng tiếng Anh đạt từ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) trở lên
5	CĐR16	Kỹ năng lãnh đạo: Có khả năng tổ chức công việc, điều khiển, định hướng, kiểm tra, giám sát.

Kỹ năng nghề nghiệp

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp
1	CĐR17	Kỹ năng phân tích bối cảnh (quốc tế, quốc gia, vùng lãnh thổ, địa phương)
2	CĐR18	Có khả năng phân tích và đánh giá các vấn đề liên quan đến nguồn lực công, chính sách công và cung ứng hàng hóa và dịch vụ công
3	CĐR19	Có khả năng quản lý (hoạch định, tổ chức, giám sát) các chương trình và dự án liên quan đến huy động, sử dụng nguồn lực công
4	CĐR20	Có khả năng sử dụng các phương pháp, công cụ hiện đại trong hoạch định chính sách công và quản lý nguồn lực công
5	CĐR21	Có khả năng phát hiện, phân biện các vấn đề liên quan đến nguồn lực công và chính sách công.

1.2.3. Thái độ và hành vi

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi
1	CĐR22	Tuân thủ quy định của pháp luật: Nhận thức đúng đắn và thực hiện các hành vi phù hợp với quy định của pháp luật và chuẩn mực chung của xã hội Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội
2	CĐR23	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp: Tâm huyết với nghề nghiệp; có tinh thần trách nhiệm trong công việc; ý thức kỷ luật cao
3	CĐR24	Tinh thần phục vụ cộng đồng: Nuôi dưỡng khát vọng cống hiến, vươn lên và tinh thần phục vụ cộng đồng

1.3. Cơ hội việc làm

Cử nhân ngành Kinh tế và Quản lý công có đủ khả năng đảm nhiệm các vị trí chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội từ Trung ương đến địa phương; Các ban quản lý các dự án, các tổ chức đa phương, các tổ chức phi chính phủ trong nước và nước ngoài. Ngoài ra, cử nhân ngành Kinh tế và Quản lý công có thể làm việc trong các tổ chức cung ứng hàng hóa-dịch vụ có tính chất công cộng và có thể trở thành giảng viên của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu.

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Qui trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Học phần chung toàn Trường

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
01	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	2
02	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3
03	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
04	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
05	LAW1001	Pháp luật đại cương	2
06	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3
07	ENG1001	Tiếng Anh đại cương 1 (A2.1)	3
08	ENG2001	Tiếng Anh đại cương 2 (A2.2)	4
09	MIS1001	Tin học văn phòng	3
10	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	3
11	MGT1001	Kinh tế vi mô	3
12	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3
13	MGT1002	Quản trị học	3
		Tổng	37

14		Giáo dục thể chất	5
15		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

7.2. Học phần chung khối ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
16	SMT2001	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
17	ACC1001	Nguyên lý kế toán	3
18	ECO2002	Kinh tế phát triển	3
19	IBS2002	Kinh tế quốc tế	3
20	ECO2004	Kinh tế công	3
21	BAN2001	Tài chính công	3
22	ECO2003	Kinh tế môi trường	3
23	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3
24	ECO2001	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
25	ENG3005	Tiếng Anh kinh tế	3
		Tổng	30

7.3. Học phần chung của ngành

7.3.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
26	ECO3001	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3
27	ECO3002	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội	3
28	ECO3003	Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược	3
29	MGT2001	Kinh tế vi mô nâng cao	3
30	STA3001	Kinh tế lượng	3
		Tổng	15

7.3.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
31	ECO3019	Phương pháp định lượng trong kinh tế	3
32	ECO3021	Dân số và phát triển	2

33	ECO3022	Phát triển nông thôn	3
34	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3
35	IBS3011	Quy tắc và các định chế thương mại toàn cầu	3

7.4. Học phần chuyên ngành

7.4.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
36	ECO3023	Quản trị khu vực công	3
37	ECO3004	Kinh tế phát triển nâng cao	3
38	ECO3005	Phân tích kinh tế - xã hội	3
39	ECO3014	Kinh tế công nâng cao	3
40	LAW2007	Luật hành chính	3
41	SMT3027	Hành chính công	3
		Tổng	18

7.4.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
42	ECO3006	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội	3
43	BAN3016	Thẩm định dự án đầu tư công	3
44	ECO3020	Kinh tế vùng	3
45	SMT3024	Quan hệ công chúng và giao tiếp công vụ	2
46	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2

7.5. Hoạt động ngoại khóa

TT	Hoạt động ngoại khóa	Ghi chú
47	Tham gia các hoạt động: Tham quan, thực địa, trao đổi, đối thoại, viết báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các viện nghiên cứu, các tổ chức cung cấp hàng hóa và dịch vụ công để nắm bắt và hiểu biết các nghiệp vụ, các vấn đề của thực tiễn Đồng thời tạo điều kiện để sinh viên có thêm kinh nghiệm cho kỳ thực tập cuối khóa thuận lợi hơn.	

7.6. Thực tập cuối khóa

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		Hình thức 1	
48	ECO4005	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
49		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6
		Hình thức 2	
50	ECO4006	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10

* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

8. **Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
9. **Lộ trình học** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
10. **Các chương trình đào tạo (đã được kiểm định) được tham khảo** (đính kèm nội dung chi tiết chương trình đào tạo đã tham khảo theo chương trình đào tạo này)

TT	Tên chương trình – Trường (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh)	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	Trường Đại học Kinh tế - TP Hồ Chí Minh	http://www.fde.ueh.edu.vn/index.php/dao-tao/sample-sites/kinh-t-hc-2
2	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	http://www.khoakehoachphattrien.neu.edu.vn/ViewDaoTao.aspx?ID=36
3	University of Queensland	https://www.uq.edu.au/study/program_list.html?acad_prog=2029
4	The University of Nottingham	http://www.nottingham.ac.uk/ugstudy/undergraduateprospectus.aspx
5	Macquarie University	http://courses.mq.edu.au/undergraduate/degree/bachelor-of-economics

HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Đã ký tên và đóng dấu)
PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn